MS. CHI ENGLISH

Name: _____ **Date:** 15.11.2021

Class: L3 **Tel:** 038 255 2594

GLOBAL STAGE 3
UNIT 4: WE CAN DO IT – VOCABULARY 1

A. VOCABULARY

No.	New words	Meaning	No.	New words	Meaning
1	actor (n)	diễn viên	7	director (n)	đạo diễn
2	audience (n)	khán giả	8	nervous (adj)	lo lắng
3	backstage (adj)	hậu trường	9	performance (n)	màn biểu diễn
4	costume (n)	trang phục	10	script (n)	kịch bản
5	crew (n)	(nhóm) nhân viên	11	set (n)	cảnh dựng
6	curtain (n)	màn rạp hát	12	stage (n)	sân khấu

Từ vựng bổ sung

No.	New words	Meaning	No.	New words	Meaning
1	clown (n)	chú hề	4	text (n)	bản viết
2	win (v)	chiến thắng	5	raise (v)	nâng lên
3	award (n)	giải thưởng	6	perform (v)	trình diễn

***n (noun): danh từ adj (adjective): tính từ v (verb): động từ**

***Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 dòng vào vở ghi.**

B. HOMEWORK

I. Fill in the blanks with correct letters. (Điền chữ cái thích hợp vào chỗ trống)

0. From my seat, I could see the whole **s t a g e** .

1. The dancer's **p** __ __ __ **o** __ **m** __ __ __ **e** is very nice.

2. There are more than 4,000 **a** __ __ __ **e** __ __ __ **s** in the theater.

3. Actors listen to their **d i** __ __ __ **t** __ **r**.

4. My dad is wearing a clown *(chú hề)* **c** __ **s** __ **u** __ __ .

5. Tom Cruise won *(chiến thắng)* the best **a** __ __ **o** __ award *(giải thưởng)*.

LIVEWORKSHEETS

II. Arrange the letters in the correct order. (Sắp xếp các chữ cái theo trật tự đúng)

0. haCgne	→ *Change*	3. uNsveor	→ _____
1. yPa	→ _____	4. tSubctar	→ _____
2. iaCurtn	→ _____	5. reCw	→ _____

III. Match each word with its correct meaning. (Nối từ với nghĩa chính xác)

~~0. a small flat piece of metal used as money~~	a. backstage
1. where the actors and artists get ready and wait to perform	b. director
2. a person who tells the actors what to do	c. stage
3. a written text *(bản viết)* of a play, film	d. dime
4. a coin that is worth ten cents	~~e. coin~~
5. a raised *(nâng lên)* area, usually in a theatre where actors perform *(trình diễn)*	f. script

Your answer: 0 - *e* 1 - ___ 2 - ___ 3 - ___ 4 - ___ 5 - ___

IV. Fill in the blank with suitable words in the box (Điền từ thích hợp trong bảng vào chỗ trống)

script	actor	~~audiences~~	cashier	allowance	nervous

0. The film will attract many *audiences*.
1. I get so _____ before exams.
2. Each child receives a weekly _____.
3. My mother is a _____ in a local shop.
4. She wrote the _____ for 2 successful movies.
5. He is a famous _____ in Viet Nam.

V. Find the hidden word. (Tìm từ bị ẩn)

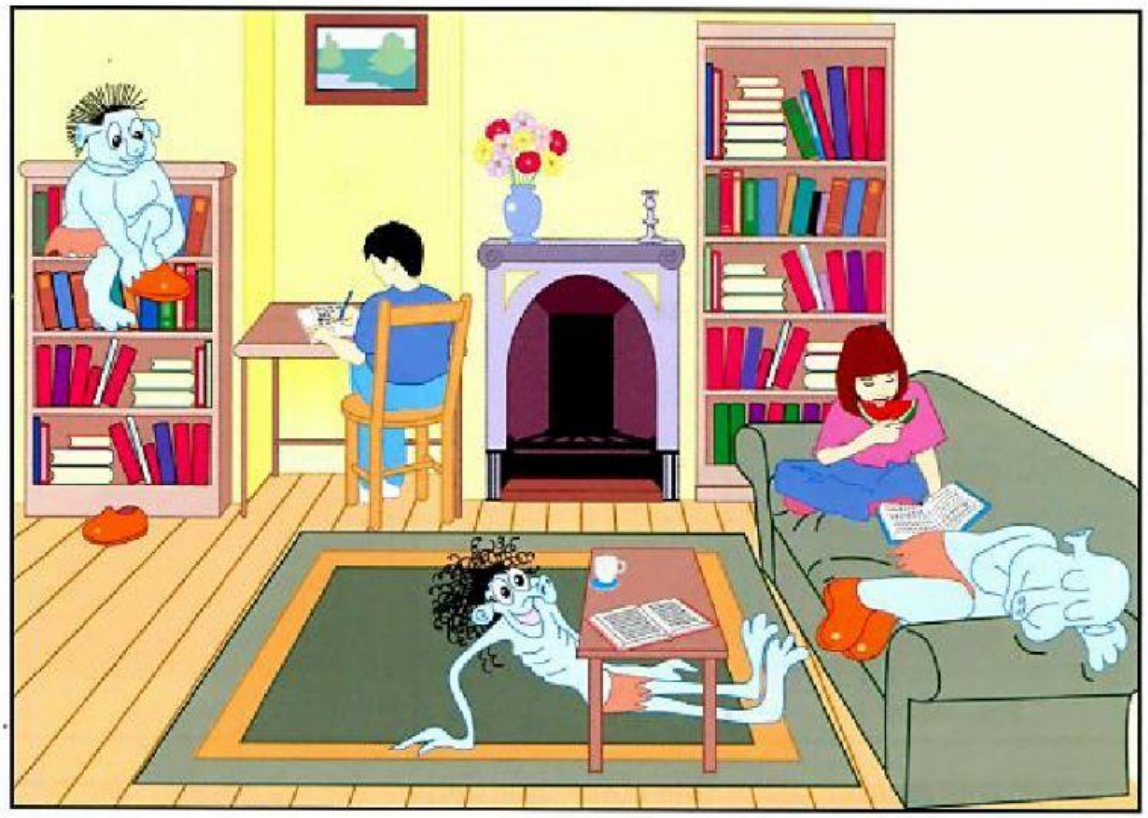
0. msetp	→ *set*	3. acheapli	→ _____
1. lescripto	→ _____	4. alpennyhp	→ _____
2. rhstageo	→ _____	5. amdimeo	→ _____

LIVEWORKSHEETS

Part 2

– 6 questions –

Look and read. Write yes or no.



Examples

There are two children in the picture. yes

The boy is eating. no.

LIVEWORKSHEETS

Questions

1 There is a monster in the smaller bookcase. .....

2 The girl is eating a sandwich and writing in her book. .....

3 Two monsters are sleeping next to the sofa. .....

4 One monster is taking off its shoes. .....

5 The boy is sitting at a desk by the wall. .....

6 The thinnest monster has got curly hair. .....

LIVEWORKSHEETS